

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày 20-01-2020

“V/v ly hôn giữa Bà Nh-ông T”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Dương.

Ông Nguyễn Văn Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 337/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐHPT-ST ngày 14/01/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1972.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1968. (*Tên gọi khác Phạm Văn Tr*)

Đều ở địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt Bà Nh và ông T*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai nguyên đơn là bà Trần Thị Nh trình bày: Bà và ông Phạm Văn T (Tr) tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào năm 1990, sau khi kết hôn cả hai đều sinh sống tại xã A. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Tháng 10/2019 mâu thuẫn càng thẳng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn, Bà Nh đề nghị xin được ly hôn ông T.

-Về con chung: Bà Nh khai vợ chồng có hai con chung là Phạm Thị Th, sinh ngày 01/3/1992 và Phạm Văn V, sinh ngày 24/4/1995. Hiện hai con chung đã trưởng thành không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng.

-Về tài sản chung: Bà Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Phạm Văn T (Tr): Ông xác nhận lời khai của Bà Nh về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng cũng như nguyên nhân mâu thuẫn. Nay ông đề nghị do con chung Phạm Văn V đang học đại học để tránh ảnh hưởng đến việc học tập của con V, vì vậy ông đề nghị Tòa án tạm dừng việc giải quyết ly hôn, đến khi nào con chung học xong đại học thì sẽ giải quyết vụ kiện ly hôn.

Về con chung: Ông T xác nhận vợ chồng có 02 hai con chung như Bà Nh đã khai. Hiện hai con chung đã trưởng thành không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Ông T đề nghị không yêu cầu giải quyết phần tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa hôm nay việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn và bị đơn trong các giai đoạn tố tụng và tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Bà Nh được ly hôn ông T. Về con chung: Bà Nh ông T có 02 con chung, hiện đã trưởng thành, vì vậy không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Bà Nh và ông T không yêu cầu giải quyết phần tài sản vì vậy không đặt ra giải quyết. Bà Nh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Trần Thị Nh và ông Phạm Văn T (Tr) được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Quỳnh Phụ vào năm 1990 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn Bà Nh và ông T đều sinh sống và lao động tự do tại xã A, trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, tháng 10/2019 mâu thuẫn càng tăng, Bà Nh trở về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, Bà Nh làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn ông T, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cả ông T và Bà Nh đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, Bà Nh đề nghị được ly hôn, nhưng ông T đề nghị hiện tại do con chung thứ hai đang học đại học năm thứ 4, đợi khi con chung học xong đại học thì sẽ đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn. Qua xác minh cơ sở thôn Tô Hải và cán bộ tư pháp xã A đều xác nhận cuộc sống vợ chồng giữa Bà Nh và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng và hiện hai bên đã sống ly thân, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật xử cho Bà Nh được ly hôn ông T. Quá trình giải quyết vụ án Bà Nh đều cự tuyệt tình cảm và đề nghị xin được ly hôn ông T, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa Bà Nh và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho Bà Nh được ly hôn ông T là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Bà Nh và ông T có 02 con chung là Phạm Thị Th, sinh ngày 01/3/1992 và Phạm Văn V, sinh ngày 24/4/1995, hiện hai con chung đã trưởng thành, không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng.

[4]. Về tài sản chung: Bà Nh và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[5]. Về án phí và lệ phí tòa án: Bà Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị Nh được ly hôn ông Phạm Văn T (Tr).

2/Về con chung: Bà Nh và ông T có 02 con chung là Phạm Thị Th, sinh ngày 01/3/1992 và Phạm Văn V, sinh ngày 24/4/1995, hiện hai con chung đã trưởng thành, không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng.

3/Về tài sản chung: Bà Nh và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Bà Nh phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền Bà Nh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004227 ngày 10/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Bà Nh và ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- VKSND huyện Quỳnh Phụ.
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ.
- UBND xã A.
- Người tham gia tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC